

Số: **25** /2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá nước sạch sinh hoạt
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh lộ trình 2019-2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5961/TTr-STC-QLG ngày 25 tháng 9 năm 2019; thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn 4988/STP-VB ngày 27 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Định mức sử dụng nước	Đơn giá (đồng/m ³)			
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
a) Đến 4m ³ /người/tháng				
- Hộ dân cư:	5.600	6.000	6.300	6.700
- Riêng hộ nghèo và cận nghèo:	5.300	5.600	6.000	6.300
b) Từ 4m ³ đến 6m ³ /người/tháng	10.800	11.500	12.100	12.900
c) Trên 6m ³ /người/tháng	12.100	12.800	13.600	14.400

(đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Điều 2. Đối tượng sử dụng nước

1. Đối tượng các hộ dân cư bao gồm:

- Các hộ dân cư sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.
- Các khu dân cư, chung cư, khu lưu trú công nhân, các cư xá, ký túc xá; các cơ sở xã hội, cơ sở chữa bệnh - cai nghiện thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt.

2. Hộ nghèo và hộ cận nghèo là những hộ dân cư trên địa bàn thành phố (căn cứ Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Sổ tạm trú) có Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Định mức sử dụng nước sạch được xác định trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú dài hạn căn cứ theo Sổ hộ khẩu thường trú và Sổ tạm trú. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký định mức tại một thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước (địa chỉ trong Sổ hộ khẩu thường trú và Sổ tạm trú khác với địa chỉ đặt đồng hồ nước) thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên thuê bao đồng hồ nước.

Trường hợp sinh viên và người lao động thuê nhà ở (không có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh) có thời hạn hợp đồng thuê nhà từ 12 tháng trở lên, căn cứ vào giấy xác nhận tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, được tính định mức như nhân khẩu thường trú.

Điều 3. Giao Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV quyết định giá nước sạch cho các mục đích sử dụng khác ngoài giá nước sạch cho sinh hoạt quy định tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo phù hợp với phương án giá nước sạch lộ trình 2019-2022 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính để kiểm tra, giám sát thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các doanh nghiệp cấp nước, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- BTP: Cục KTrVB;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Phóng ĐT, TTCB;
- Lưu: VT, (ĐT-TNC) HI. 7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan